TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 701/2020/HS-PT
Ngày 18 tháng 11 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Ông Phan Tô Ngọc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thân Văn Nhường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 353/2020/TLPT-HS ngày 03 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo Tống Thị Mỹ H do có kháng cáo của bị cáo và bị hại Tăng Thị Thu V, Nguyễn Trung N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2020/HS-ST ngày 23/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Bị cáo có kháng cáo:

Tống Thị Mỹ H (tên gọi khác: Út Nhỏ), sinh ngày: 20/8/1980; tại Hậu Giang.

Nơi thường trú: Khu vực 5, phường H, thị xã N, tỉnh Hậu Giang. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Tống Văn S (đã chết); con bà Nguyễn Thị H; bị cáo có chồng Bùi Hoàng A, sinh năm 1978; bị cáo có 01 con sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Bị hại có kháng cáo:

1. Ông Nguyễn Trung N, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang (có mặt)

2. Bà Tăng Thị Thu V, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 56C, đường L, khu vực 1, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bà V: Ông Trần Văn K, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu vực 4, phường L, thành phố N, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần Văn Đàn, Đoàn luật sư Thành phố Cần Thơ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2004, Tống Thị Mỹ H (tên gọi khác: Út Nhỏ) bắt đầu tổ chức (làm chủ hụi) cho các hụi viên trên địa bàn thị xã N (nay là thành phố N) và huyện P, tỉnh Hậu Giang tham gia chơi hụi để hưởng tiền hoa hồng. Việc tổ chức chơi hụi của H lúc đầu diễn ra thuận lợi và được nhiều người tin tưởng tham gia, trong thời gian này H còn hùn vốn với anh ruột tên Tống Minh Tâm để chăn nuôi gà tăng thêm thu nhập. Đến năm 2017, do việc kinh doanh trên bị thua lỗ, lợi dụng việc hụi viên không tham gia đi khui hụi đầy đủ nên H đã dùng nhiều thủ đoạn gian dối nhằm mục đích chiếm đoạt tiền hụi của hụi viên. Đến năm 2018, H tuyên bố vỡ hụi, lúc này nhiều hụi viên yêu cầu trả tiền hụi nhưng H không thanh toán nên hụi viên đã làm đơn gửi đến Cơ quan CSĐT Công an thị xã N tố giác Tống Thị Mỹ H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tính đến thời điểm Tống Thị Mỹ H tuyên bố vỡ hụi thì còn 03 (ba) dây đang hoạt động, trong quá trình tổ chức các dây hụi này H đã tự ý lấy 25 phần hụi của hụi viên để kêu hốt hụi và bán 02 (hai) phần hụi khống chiếm đoạt tổng số tiền 3.705.400.000 đồng của 31 hụi viên. Cụ thể theo từng dây hụi:

1. Dây hụi 5.000.000 đồng/15 ngày, mở ngày 02/5/2017 (âm lịch).

Dây hụi này có 22 hụi viên tham gia với 34 phần, khui hụi vào các ngày 02 và 16 âm lịch, đã khui hốt hụi được 30 lần, nhưng thực tế hụi viên chỉ hốt được có 19 phần, còn đến 10 hụi viên với 15 phần hụi chưa được hốt. Trong dây hụi này, Tống Thị Mỹ H đã tự ý lấy 11 phần hụi của hụi viên để kêu hốt hụi (lấy hụi của các hụi viên: Trần Thị Mỹ H hốt lần khui hụi thứ 01, Võ Thị Sáu hốt các lần khui hụi thứ 05 và 06, Trần Kim Ngọc hốt các lần khui hụi thứ 07 và 11, Tống Văn Mười hốt lần khui hụi thứ 09, Nguyễn Thị Trang hốt lần khui hụi thứ 13, Nguyễn Thanh Tùng hốt lần khui hụi thứ 16, Võ Thị Vững hốt lần khui hụi thứ 21, Nguyễn Trung N hốt các lần khui hụi thứ 22 và 24) chiếm đoạt số tiền 1.521.700.000 đồng. Ngoài ra, Tống Thị Mỹ H còn bán 02 phần hụi khống cho hụi viên Trần Kim Ngọc chiếm đoạt được số tiền là 285.700.000 đồng. Tổng số tiền Tống Thị Mỹ H đã chiếm đoạt được trong dây hụi này là 1.807.400.000 đồng.

2. Dây hụi 5.000.000 đồng/15 ngày, mở ngày 06/7/2017 (âm lịch)

Dây hụi này có 17 hụi viên tham gia với 24 phần, khui hụi vào các ngày 06 và 21 âm lịch, đã khui hốt hụi được 24 lần, nhưng thực tế hụi viên chỉ hốt được có 15 phần, còn đến 08 hụi viên với 09 phần hụi chưa được hốt. Trong dây hụi này, Tống Thị Mỹ H đã tự ý lấy 09 phần hụi của hụi viên để kêu hốt hụi (lấy hụi của các hụi viên: Trần Thị Thu hốt lần khui hụi thứ 02, Tống Thị Mỹ H hốt các lần khui hụi thứ 05 và 06, Nguyễn Trung N hốt lần khui hụi thứ 14, Lê Thị Kiều hốt lần khui hụi thứ 15, Trần Kim Ngọc hốt lần khui hụi thứ 16, Tăng Thị Thu V hốt lần khui hụi thứ 17, Nguyễn Thị Lượm hốt lần khui hụi thứ 19 và Võ Thị Vững lần khui hụi thứ 20) chiếm đoạt tổng số tiền 932.000.000 đồng.

3. Dây hụi 10.000.000 đồng/15 ngày, khui ngày 24/3/2018 (âm lịch)

Dây hụi này có 16 hụi viên tham gia với 24 phần, khui hụi vào các ngày 09 và 24 âm lịch, đã khui hốt hụi được 07 lần, nhưng thực tế hụi viên chỉ hốt được có 02 phần, còn đến 15 hụi viên với 22 phần hụi chưa được hốt. Trong dây hụi này, Tống Thị Mỹ H đã tự ý lấy 05 phần hụi của hụi viên để kêu hốt hụi (lấy hụi của các hụi viên: Trần Thị Mỹ H hốt lần khui hụi thứ 02, Thái Kim Hoa hốt lần khui hụi thứ 03, Nguyễn Thị Lượm hốt lần khui hụi thứ 04, Tống Minh Tâm hốt các lần khui hụi thứ 06 và 07) chiếm đoạt được tổng số tiền 966.000.000 đồng.

Số tiền hụi bị cáo Tống Thị Mỹ H đã chiếm đoạt của từng hụi viên, cụ thể như sau:

1/ Trần Thị Mỹ H (Chị H) số tiền 267.400.000 đồng.

2/ Võ Thị Sáu (Chị Sáu) số tiền 137.200.000 đồng.

3/ Trần Kim Ngọc (Kim Ngọc) số tiền 371.500.000 đồng.

4/ Nguyễn Thị Trang (Trang) số tiền 90.100.000 đồng.

5/ Nguyễn Thanh Tùng (A Tùng) số tiền 47.100.000 đồng.

6/ Võ Thị Vững (Chị Dũng) số tiền 85.800.000 đồng.

7/ Nguyễn Trung N (A Ninh) số tiền 175.900.000 đồng.

8/ Tăng Thị Thu V (Chị Vân) số tiền 78.700.000 đồng.

9/ Nguyễn Thị Lượm (Chị Tuyền) số tiền 163.400.000 đồng.

10/ Phạm Lệ H (Lệ H) số tiền 378.850.000 đồng.

11/ Phạm Thùy Trang (Trang) số tiền 43.000.000 đồng.

12/ Dương Thành Phú (Anh Phú) số tiền 203.850.000 đồng.

13/ Tống Bé Oanh (Oanh) số tiền 85.900.000 đồng.

14/ Tống Thị Ngọc Bích (Chú 10) số tiền 43.000.000 đồng.

15/ Tiết Như Phương (Chị Phương) số tiền 103.500.000 đồng.

16/ Nguyễn Thị Tuyết Loan số tiền 12.900.000 đồng.

17/ Nguyễn Thị Ngọc (Ngọc) số tiền 85.800.000 đồng.

18/ Tống Văn Mười (Chú Mười) số tiền 94.200.000 đồng.

19/ Tống Minh Tâm (A Tâm) số tiền 180.200.000 đồng.

20/ Phan Cẩm H (Chị Tuyền) số tiền 85.700.000 đồng.

21/ Tống Thị Mỹ Hạnh (Chị Ngân) số tiền 210.500.000 đồng.

22/ Trần Thị Thu (Chị Thu) số tiền 175.900.000 đồng.

23/ Lê Thị Kiều (A Tùng) số tiền 38.700.000 đồng.

24/ Thái Kim Hoa (Chị Lan) số tiền 43.000.000 đồng.

25/ Bùi Văn Tuấn (Chị Tuyết) số tiền 131.700.000 đồng.

26/ Lê Thị Kim Chi (Chị Chi) số tiền 47.100.000 đồng.

27/ Nguyễn Hoàng Khiêm (Dần) số tiền 173.700.000 đồng.

28/ Tống Văn Oai (Chú Bảy) số tiền 47.100.000 đồng.

29/ Tăng Hoài Thương (H Thương) số tiền 47.800.000 đồng.

30/ Nguyễn Thị Diễm Trang số tiền 17.200.000 đồng.

31/ Nguyễn Thị Nhu (Thiếm Nhu) số tiền 38.700.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2020/HS-ST ngày 23/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 268, Điều 269 và Điều 298 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên bố bị cáo Tống Thị Mỹ H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Tống Thị Mỹ H 08 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện giữa bị cáo và các bị hại tại phiên tòa. Buộc bị cáo có trách nhiệm trả lại cho các bị hại số tiền, cụ thể như sau:

Trả cho Nguyễn Trung N số tiền 353.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi ba triệu đồng).

Trả cho Tăng Thị Thu V số tiền 47.500.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự đối với các bị hại khác, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06, 07, 08/07/2020 bị hại bà Tăng Thị Thu V kháng cáo yêu cầu bị cáo bồi thường 62.700.000 đồng và tăng hình phạt tù đối với bị cáo, bị hại Nguyễn Trung N kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt tù đối với bị cáo, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có quan điểm: Số tiền bị cáo chiếm đoạt của 31 người là rất lớn, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 8 năm tù là nhẹ. Nay ông Ninh, bà V kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ; kháng cáo của bà V yêu cầu bị cáo bồi thường 62.700.000 đồng là chưa đủ căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt tù đối với bị cáo từ 9 năm đến 10 năm tù.

Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng sau khi phạm tội, bị cáo tìm mọi cách bồi thường, khắc phục một phần thiệt hại cho các bị hại; đang phụng dưỡng mẹ già, con còn nhỏ nên đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm về lo cho gia đình.

Bị hại tham gia tranh tụng cho rằng hành vi lừa đảo của bị cáo chiếm đoạt tiền của rất nhiều bị hại, số tiền rất lớn gần 4 tỷ đồng, làm ảnh hưởng đến đời sống của người bị hại. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 8 năm tù là quá nhẹ, đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo chiếm đoạt số tiền của bà V 78.700.000 đồng, bị cáo đã bồi thường 16.000.000 đồng, còn lại 62.700.000 đồng bị cáo phải bồi thường cho bà V nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc bị cáo bồi thường cho bà V 47.500.000 đồng là không phù hợp.

Bị cáo có lời nói sau cùng mong Hội đồng xét xử giảm án cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Đơn kháng cáo của các bị hại Nguyễn Trung N, Tăng Thị Thu V và bị cáo Tống Thị Mỹ H đúng luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Trong thời gian làm chủ hụi (từ năm 2017 và năm 2018), lợi dụng việc các hụi viên không đến bỏ thăm để hốt hụi đầy đủ, bị cáo H đã thực hiện các thủ đoạn gian dối là tự ý hốt lấy 25 phần hụi của hụi viên và bán 02 (hai) phần hụi khống, chiếm đoạt tổng số tiền 3.705.400.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét thấy hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã làm mất an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, trong một thời gian dài, đối với nhiều bị hại (gồm 31 người). Đặc biệt, bị cáo đã chiếm đoạt tiền của những người lao động nghèo, làm ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của nhiều gia đình. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả cho bị hại, bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự; có hoàn cảnh khó khăn đang nuôi dưỡng mẹ già, con nhỏ nên đã áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và xử phạt bị cáo 8 năm tù là nhẹ so với hành vi của bị cáo. Do đó, kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng hình phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp chứng cứ mới để làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt nên không được chấp nhận.

[3]. Xét kháng cáo của bà V yêu cầu bị cáo bồi thường 62.700.000 đồng thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo chiếm đoạt số tiền của bà V 78.700.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo và người đại diện cho bà V xác nhận bị cáo đã bồi thường cho bà V 16.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải trả cho bà V 47.500.000 đồng là chưa phù hợp nên đơn kháng cáo của bà V yêu cầu bị cáo bồi thường 62.700.000 đồng là có căn cứ.

[4]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt; chấp nhận đơn kháng cáo của bị hại, sửa một phần bản án sơ thẩm nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của bị hại Nguyễn Trung N, Tăng Thị Thu V; không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Tống Thị Mỹ H. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2020/HS-ST ngày 23/06/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang như sau:

Tuyên bố bị cáo Tống Thị Mỹ H (Út Nhỏ) phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Tống Thị Mỹ H (Út Nhỏ) 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Tống Thị Mỹ H (Út Nhỏ) bồi thường cho bà Tăng Thị Thu V 62.700.000 đồng;

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b, Điều 7c và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Tống Thị Mỹ H (Út Nhỏ) phải chịu 200.000 đồng;

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Ý

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1)
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1)
- TAND tỉnh Hậu Giang (1);
- VKSND tỉnh Hậu Giang (1);
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang (1);
- CA tỉnh Hậu Giang (1);
- Sở tư pháp tỉnh Hậu Giang (1);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hậu Giang (2) (để tống đạt cho bc 1b);
- Bị hại (2);
- Lưu VT (6) HS (1) 18b-PTHH.